

MỘT SỐ ĐẶC SẮC CỦA NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG TỪ HÁN-VIỆT TRONG QUỐC ÂM THI TẬP (NGUYỄN TRÃI)

Vũ Thị Ngọc Kim

Trường Phổ thông dân tộc Bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở xã Lộc Yên,
huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

ARTICLE INFORMATION TÓM TẮT

Journal: Vinh University
Journal of Science
Social Science and Humanities
p-ISSN: 3030-4660
e-ISSN: 3030-4024

Volume: 53

Issue: 4B

***Correspondence:**
vuthingockim2024@gmail.com

Received: 16 October 2024

Accepted: 03 December 2024

Published: 20 December 2024

Citation:

Vu Thi Ngoc Kim (2024). Some characteristics of the art of using Sino-Vietnamese words in Quoc âm thi tập (Nguyen Trai). *Vinh Uni. J. Sci.* Vol. 53 (4B), pp. 19-28 doi: 10.56824/vujs.2024b0102b

OPEN ACCESS

Copyright © 2024. This is an Open Access article distributed under the terms of the [Creative Commons Attribution License](#) (CC BY NC), which permits non-commercially to share (copy and redistribute the material in any medium) or adapt (remix, transform, and build upon the material), provided the original work is properly cited.

Quốc âm thi tập là một trong những tác phẩm tiêu biểu của thơ ca trung đại Việt Nam. Tác phẩm không chỉ mang đậm dấu ấn văn hóa, lịch sử mà còn thể hiện sự giao thoa giữa các nền văn hóa, đặc biệt là giữa văn hóa Việt và văn hóa Hán. Việc sử dụng từ Hán-Việt trong tác phẩm này không chỉ làm phong phú ngôn ngữ mà còn tạo nên những giá trị nghệ thuật sâu sắc và đa dạng. Trong bài viết, tác giả trình bày về một số đặc sắc của nghệ thuật sử dụng từ Hán-Việt trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi để thấy được những cột mốc quan trọng trong sự phát triển của ngôn ngữ và văn tự dân tộc.

Từ khóa: Nghệ thuật; từ Hán - Việt; Quốc âm thi tập; thơ văn Nguyễn Trãi.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia có mối quan hệ lâu dài và gần bó. Trong quá trình phát triển, hai nước đã giao lưu sâu rộng về ngôn ngữ và văn hóa. Sự tiếp xúc giữa tiếng Việt và tiếng Hán đã để lại nhiều dấu ấn trong tiếng Việt hiện đại, với một lượng lớn từ vựng Hán được du nhập từ nhiều nguồn khác nhau (Hán, Tạng, Miến, Ấn) qua nhiều thời kỳ và bằng nhiều phương thức. Mặc dù tiếng Hán và tiếng Việt không cùng nguồn gốc - tiếng Hán thuộc họ ngôn ngữ Hán-Tạng, còn tiếng Việt thuộc nhánh Việt-Mường của họ Nam Á - nhưng chúng có những đặc điểm chung về loại hình. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu giữ và vay mượn ngôn ngữ giữa hai bên.

Lớp từ Hán-Việt góp phần làm phong phú thêm vốn từ vựng tiếng Việt, bổ sung nhiều trường từ vựng mới. Tiếng Việt có một lượng lớn từ mượn từ tiếng Hán. Như một nhà nghiên cứu đã nhận xét: "*Tiếng Việt đã sáng tạo ra từ mới và nghĩa mới. Tiếng Việt vay mượn từ ghép và có sự chọn lọc nghĩa, đáp ứng nhu cầu của cuộc sống, phản ánh sự vận động của ngôn ngữ*" (T. T. C. Nguyễn, 2021, tr. 4). Do đó, nghiên cứu về từ Hán-Việt là cần thiết, đặc biệt trong sáng tác thơ ca, nhằm làm phong phú cách tiếp cận và khám phá giá trị nghệ thuật của các tác phẩm. Như một ý kiến khác chỉ rõ: "*Trong hệ thống từ ngữ hiện nay, từ Hán-Việt chiếm số lượng lớn, nhưng tiếng Việt vẫn giữ được bản sắc.*"

Ngôn ngữ được phân định bởi hai yếu tố: từ vựng cơ bản và ngữ âm. Việc sử dụng từ Hán-Việt trong văn chương và đời sống là bình thường, nhưng quan trọng là sử dụng sao cho phù hợp, gần gũi và dễ hiểu” (Hà Anh, 2023).

Quốc âm thi tập, sáng tác vào thế kỷ XV, là một tác phẩm quan trọng, đánh dấu bước tiến lớn trong thơ ca Việt Nam. Với *Quốc âm thi tập*, Nguyễn Trãi được coi là nhà thơ lớn đầu tiên sáng tác thơ chữ Nôm và cũng là người sáng tác thơ Nôm đoàn thiên với số lượng nhiều nhất trong nền thơ cổ điển dân tộc. Tác phẩm đã mở ra cánh cửa cho việc sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ, tạo đà cho sự phát triển của thơ ca Việt Nam, đưa văn học trở về với cội nguồn dân tộc.

Trong bối cảnh văn học trung đại, lớp từ Hán-Việt trong tác phẩm thể hiện rõ nét hơn. Dù số lượng từ Hán-Việt trong tập thơ tương đối lớn, vẫn chưa có nhiều nghiên cứu sâu sắc về chúng. Vì thế, việc nghiên cứu đặc điểm từ Hán-Việt trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi sẽ giúp làm sáng tỏ giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, đồng thời khẳng định vai trò của từ Hán-Việt trong văn học nói chung và văn học trung đại nói riêng.

Trong *Quốc âm thi tập*, số lượng từ thuần Việt chiếm ưu thế hơn so với từ Hán-Việt. Tuy nhiên, có 328 từ Hán-Việt với tần số xuất hiện tổng cộng 1.264 lần trên tổng số 11.067 từ trong toàn bộ tập thơ. Cụ thể:

- Có 8 từ Hán-Việt xuất hiện từ 22 đến 45 lần.
- Có 17 từ Hán-Việt xuất hiện từ 11 đến 20 lần.
- Có 38 từ Hán-Việt xuất hiện từ 5 đến 10 lần.
- Có 273 từ Hán-Việt xuất hiện từ 1 đến 4 lần.

Điều này thể hiện sự phong phú trong cách sử dụng từ vựng của tác giả, khả năng vận dụng ngôn ngữ linh hoạt để làm nổi bật nội dung, đồng thời tạo nhạc điệu êm ái, phong phú cho các bài thơ.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm từ Hán-Việt

Từ Việt gốc Hán là một hiện tượng ngôn ngữ phong phú và phức tạp, xuất phát từ nhiều nguồn khác nhau và được du nhập vào tiếng Việt qua nhiều giai đoạn và phương thức khác nhau. Có thời điểm, sự du nhập diễn ra lẻ tẻ, chậm chạp qua con đường khẩu ngữ; có lúc lại diễn ra ồ ạt, có hệ thống thông qua sách vở, hành chính và giáo dục. Một số từ đã trải qua biến đổi ngữ âm; một số khác thay đổi ngữ nghĩa theo thời gian hoặc thậm chí cả cấu trúc. Gần đây, vẫn có những từ được mượn qua con đường khẩu ngữ và mang tính phương ngữ, như các từ phiên âm (ví dụ: *hoành thánh*, *há cảo*), tuy số lượng không lớn.

Tác giả Phan Ngọc trong *Mẹo giải nghĩa từ Hán-Việt* viết: “Xét về mặt lịch sử, một từ Hán-Việt là từ được viết bằng chữ khối vuông của Trung Quốc nhưng phát âm theo cách Hán-Việt. Người Việt dùng cách đọc này để đọc mọi văn bản viết bằng chữ Hán, dù là của người Hán hay người Việt. Về mặt chữ, chỉ có chữ Hán, không có chữ Hán-Việt. Hán-Việt chỉ là cách phát âm riêng của người Việt đối với chữ Hán” (Phan, 2000, tr. 7).

Nguyễn Văn Khang trong *Từ ngoại lai trong tiếng Việt* định nghĩa: “Tất cả những từ Hán có cách đọc Hán-Việt đã từng được sử dụng ít nhất một lần trong tiếng Việt như một đơn vị từ vựng trong văn cảnh giao tiếp đều được coi là từ Hán-Việt” (V. K. Nguyễn, 2007, tr. 131).

Tác giả Anh Ngọc (2022) trong bài viết *Nghệ thuật sử dụng từ Hán-Việt trong thơ* nhận định: “*Từ Hán-Việt là những từ ngữ gốc Trung Quốc, du nhập vào tiếng Việt từ thời Bắc thuộc, tức hàng ngàn năm trước. Khi tồn tại đến ngày nay, chúng đã có sức sống ổn định, được hòa tan và thuần hóa bởi bản ngữ, mặc nhiên chiếm một vị trí trong đời sống tinh thần của người Việt*”.

Như vậy, từ Hán-Việt là những từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, được đọc theo âm Hán-Việt, và chịu sự ảnh hưởng của các quy luật ngữ âm, từ vựng - ngữ nghĩa, và ngữ pháp tiếng Việt. Trong bài viết này, từ Hán-Việt được hiểu là các từ gốc Hán được Việt hóa theo một quy trình chung, có các quy luật chặt chẽ trong cách đọc và sử dụng.

2.2. Giới thiệu về tác phẩm *Quốc âm thi tập*

Nguyễn Trãi (1380-1442), hiệu là Úc Trai, sinh tại Chi Ngại (Chí Linh, Hải Dương) trước khi chuyển về Nhị Khê (Thường Tín, Hà Tây, nay thuộc Hà Nội). Ông là tác giả xuất sắc trong nhiều thể loại văn học, bao gồm cả chữ Hán và chữ Nôm. Các tác phẩm chữ Hán tiêu biểu: *Quân trung từ mệnh tập*, *Bình Ngô đại cáo*, *Úc Trai thi tập*, *Chí Linh sơn phú*, *Băng Hồ di sự lục*, *Lam Sơn thực lục*, *Văn bia Vĩnh Lăng*, *Văn loại*. Các tác phẩm chữ Nôm nổi bật gồm: *Quốc âm thi tập*, được viết theo thể Đường luật hoặc Đường luật xen lục ngôn. Ngoài sáng tác văn học, ông còn để lại *Dư địa chí* - bộ sách địa lý cổ nhất Việt Nam.

Quốc âm thi tập gồm 254 bài thơ, chia thành 4 mục chính:

- **Vô đề** (192 bài): gồm các phần nhỏ như *Ngôn chí* (21 bài), *Mạn thuật* (14 bài), *Trần tình* (9 bài), *Thuật hứng* (25 bài), *Tự thán* (41 bài), *Tự thuật* (11 bài), *Bảo kính cảnh giới* (61 bài), cùng nhiều bài có tựa riêng.

- **Thời lệnh môn** (21 bài).

- **Hoa mộc môn** (34 bài).

- **Cầm thú môn** (7 bài).

Nội dung tập thơ thể hiện tâm tư, chí hướng của tác giả. Nguyễn Trãi ca ngợi cuộc sống thanh nhàn, bộc lộ niềm tự hào về việc *đổi công danh lấy một cần câu*, nhưng đồng thời cũng thể hiện nỗi đau khi không thể giúp nước hoặc tìm được người đồng chí hướng. Ngoài ra, ông tự khuyên răn bản thân và con cháu giữ vững đạo đức, nhân phẩm, theo lời dạy của thánh hiền. Các bài thơ về thiên nhiên chiếm một phần lớn, hòa quyện giữa thú an nhàn và nỗi niềm thanh thản.

Thể thơ trong *Quốc âm thi tập* rất đặc biệt, gồm thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, xen lẫn những câu lục ngôn. Ông khéo léo sử dụng ca dao, tục ngữ, từ cổ, và ưu tiên từ thuần Việt hơn từ Hán-Việt. Sự thành công lớn nhất của Nguyễn Trãi là sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt và chữ Nôm để biểu đạt cảm xúc và tư tưởng. Với lượng từ phong phú, có giá trị nghệ thuật, tác giả *Quốc âm thi tập* không chỉ thành công trong việc diễn tả những trạng huống tình cảm của bản thân mà còn góp phần thúc đẩy ngôn ngữ văn học viết bằng tiếng Việt phát triển.

Việc sử dụng từ Hán-Việt trong *Quốc âm thi tập* không chỉ là một lựa chọn ngôn ngữ mà còn phản ánh bối cảnh lịch sử và văn hóa xã hội của thời kỳ đó. Nó cho thấy sự giao thoa văn hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc, đồng thời thể hiện khát vọng khẳng định bản sắc dân tộc. Trong bối cảnh thế kỷ XV, sau cuộc kháng chiến chống quân Minh, việc sử dụng từ Hán-Việt cũng phản ánh tầm quan trọng của tri thức và học vấn trong xã hội, khi Nho giáo chiếm ưu thế và ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng và đạo đức. Nguyễn Trãi đã

khéo léo kết hợp giữa các giá trị văn hóa truyền thống và tâm tư của người dân, tạo ra những tác phẩm vừa sâu sắc vừa phong phú. Sự kết hợp này không chỉ giúp thể hiện triết lý sống mà còn chạm đến cảm xúc của con người, phản ánh nguyện vọng và khát vọng của dân tộc trong một thời kỳ đầy biến động. Qua đó, *Quốc âm thi tập* trở thành biểu tượng cho bản sắc văn hóa Việt Nam.

2.3. Một số đặc sắc của nghệ thuật sử dụng từ Hán-Việt trong *Quốc âm thi tập*

2.3.1. Nghệ thuật sử dụng từ Hán-Việt trong miêu tả thiên nhiên

Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi mang đến một màu sắc đặc biệt. Từ Hán-Việt không chỉ là công cụ ngôn ngữ giúp tác giả biểu đạt tư tưởng mà còn tạo nên chất thơ cổ điển, trang nhã, hàm bạch. Thiên nhiên được hiện lên với bốn mùa sinh động, khoác lên mình những nét đặc trưng riêng. Thời lệnh môn, hoa mọc môn, cảm thụ môn là những bài thơ ca tụng thiên nhiên đậm đà nhất, thiết tha nhất của Nguyễn Trãi. Thiên nhiên ở đây bao gồm: cỏ cây, hoa lá, núi rừng, sông hồ, chim muông... Nguyễn Trãi đã lắng nghe sự chuyển động của mùa xuân, miêu tả lại từng bước đi, từng thời khắc thay đổi trong sự giao mùa. Mùa xuân như có một quyền lực riêng của nó, có thể sai khiến vạn vật:

Đường tuyết thông còn giá in,
Đã sai én ngọc lại, cho nhìn.
Xuân chầy, liễu thấy chưa hay mặt,
Vườn kín, hoa truyền mới lọt tin.

(*Đầu xuân đắc ý* - bài 193)

Khung cảnh mùa xuân đến được thể hiện qua hàng loạt từ Hán-Việt như: “Tuyết”, “én”, “xuân”. Đây là những từ Hán-Việt chỉ dấu hiệu của mùa xuân đã sinh sôi trong mọi cảnh vật. Nhà thơ nhắc đến tuyết để chỉ mùa đông, nhưng khi tuyết còn đọng kín thì chim én đã về báo tin xuân sắp đến.

Tin xuân đã đến, hoa đào, hoa mai đua nhau nở thắm tươi, mùa xuân tràn đầy sức sống. Hàng loạt những từ Hán-Việt là danh từ gọi tên sự vật gắn với mùa xuân như: đào, đoá, tiết và từ “xuân” được lặp lại trong câu càng nhấn mạnh không khí mùa xuân đang tràn ngập đất trời. Xuân cũng như con người, cũng có khí tiết riêng của nó:

Một đoá đào hoa khéo tốt tươi
Cánh xuân mon mọn thấy xuân cười

(*Đào hoa thi* - bài 227)

Mùa xuân luôn được hiện lên với màu sắc tươi vui, gợi nên niềm hân hoan rạo rực trong trái tim yêu cuộc sống của thi nhân, bởi mùa xuân bao giờ cũng là mùa của tương lai, mùa của hy vọng. Càng yêu thiên nhiên, nhà thơ càng thấu hiểu hơn sự quý giá thời gian mùa xuân của hiện tại. Nguyễn Trãi đếm từng thời khắc của mùa xuân, tận hưởng từng phút giây sự sống mà mùa xuân mang đến:

Tính kẻ chỉ còn ba tháng nữa,
Kịp xuân mưa để má đào phai.

(*Hoa đào* - bài 4)

Câu thơ xuất hiện với từ Hán-Việt “xuân” được miêu tả bằng sự kết hợp với từ “kịp” đã cho thấy sự quý trọng mùa xuân của người thi sĩ. Hoa đào nở kịp thời gian để chào đón mùa xuân, mang lại những giây phút tươi đẹp. Thi sĩ lo lắng rằng mùa xuân sẽ qua đi, cánh đào sẽ phai tàn, và nỗi lo về thời gian cũng như hạnh phúc đang trôi qua càng làm tăng thêm tình yêu với mùa xuân. Cảm nhận về thời gian như vậy đã trở thành hướng

chủ đạo trong thơ vịnh mùa xuân của Nguyễn Trãi. Khi mùa hè trôi qua, hoa cúc nở đem hương ngào ngạt báo hiệu mùa thu đến. Hoa cúc vàng khiêm nhường trang điểm cho bầu trời thu đầy sương mù và hơi gió lạnh:

Nào hoa chẳng bén, khí đầm hâm
Cỏ mấy bầu sương, nhụy mới đơm
Trùng cửu chóe hiềm thu đã muộn
Cho hay thu muộn tiết càng thơm.
(Cúc - bài 216)

Thiên nhiên bốn mùa không chỉ là một vòng tuần hoàn mà còn thể hiện tính chất đối lập. Mùa xuân là thời điểm khởi đầu, nơi vạn vật sinh sôi nảy nở, phát triển mạnh mẽ. Ngược lại, mùa thu lại là lúc cây cỏ, hoa lá chuyển sang sắc vàng, con người cảm thấy buồn bã, và sinh vật ít hoạt động. Tuy nhiên, mùa thu vẫn chưa phải là giai đoạn tàn lụi mà chỉ là sự chuyển mình, thể hiện trạng thái âm chưa trưởng thành hoàn toàn. Hai mùa này không chỉ đại diện cho hai trạng thái đối nghịch của vạn vật mà còn chứa đựng khả năng tiếp tục phát triển, từ đó trở thành biểu trưng cho quy luật vận động không ngừng của tự nhiên.

Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên còn gắn liền với tâm trạng của nhân vật trữ tình. Các từ Hán-Việt thường mang ý nghĩa sâu xa, cho phép tác giả truyền tải những cảm xúc tinh tế, từ niềm vui đến nỗi buồn, từ sự hùng vĩ đến sự bình yên. Trong miêu tả thiên nhiên, Nguyễn Trãi đã khéo léo dùng từ Hán-Việt để vẽ nên những cảnh sắc vừa gần gũi, quen thuộc với con người Việt Nam, vừa mang màu sắc hùng hùng, tao nhã của thiên nhiên phương Đông. Các từ Hán-Việt được chọn lọc khéo léo để tạo ra những bức tranh thiên nhiên sống động, từ cảnh núi non, sông nước đến những sắc thái của thời tiết. Những từ như “lâm”, “hải”, “son” giúp khắc họa rõ nét vẻ đẹp của đất trời. Qua nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, Nguyễn Trãi không chỉ đơn thuần trình bày cảnh sắc mà còn thể hiện triết lý sống, tư tưởng nhân sinh. Các từ Hán-Việt giúp làm nổi bật mối liên hệ giữa con người và thiên nhiên, giữa cái đẹp và tinh thần yêu nước.

Trong *Quốc âm thi tập*, Nguyễn Trãi đã sử dụng những từ ngữ để miêu tả thiên nhiên một cách tinh tế, mang lại giá trị biểu đạt sâu sắc. Các từ thuần Việt chủ yếu được lựa chọn, tạo nên hình ảnh gần gũi, dễ cảm nhận và thân thuộc với người đọc. Những miêu tả này không chỉ khắc họa cảnh vật mà còn gọi lên cảm xúc và tâm trạng của con người, thể hiện sự hòa quyện giữa con người và thiên nhiên. Hình ảnh thiên nhiên trong thơ của Nguyễn Trãi thường giản dị nhưng giàu sức biểu cảm. Chẳng hạn, những từ ngữ giản đơn như “cây cỏ”, “suối nguồn”, hay “trời mây” không chỉ mô tả bối cảnh mà còn phản ánh tâm hồn và nỗi lòng của thi nhân. Điều này giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên một cách sinh động và chân thực. Ngoài ra, lớp từ Hán-Việt cũng được sử dụng một cách khéo léo để tạo nên những hình ảnh hùng vĩ, mang âm hưởng cổ kính. Tuy nhiên, tác giả đã cân nhắc để chúng không làm mất đi tính gần gũi, dễ hiểu của ngôn ngữ thơ. Sự kết hợp này làm tăng thêm chiều sâu cho tác phẩm, khẳng định tài năng của Nguyễn Trãi trong việc giao thoa giữa truyền thống và hiện đại, giữa cái hùng vĩ và cái bình dị trong thiên nhiên.

2.3.2. Nghệ thuật sử dụng từ Hán-Việt trong miêu tả con người

Trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, nghệ thuật miêu tả con người được thể hiện một cách tinh tế thông qua việc sử dụng từ Hán-Việt. Những từ ngữ này không chỉ giúp khắc họa hình ảnh nhân vật mà còn thể hiện tính cách, tâm tư và tình cảm sâu sắc.

Nguyễn Trãi luôn đề cao trách nhiệm của nhà nho, trên hết đó là lòng trung quân ái quốc, là trách nhiệm của một người công dân đối với quốc gia, luôn mang canh cánh trong lòng tinh thần nhiệt huyết. Tinh thần yêu nước của Nguyễn Trãi trước hết được thể hiện qua từ “ưu ái”: yêu mến và lo lắng. Tinh thần yêu nước đó chưa bao giờ ngừng lại, nó cứ đêm ngày cuộn cuộn dâng trào như nước triều đông.

Bui một tác lòng ưu ái cũ,
Đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông.
(*Thuật hứng* - bài 50)

Nguyễn Trãi dùng từ Hán-Việt để khắc họa những sản phẩm chất cao đẹp của con người, nhất là trong công việc ca ngợi các cấp quân tử, anh hùng, và những người có đức hạnh. Những từ Hán-Việt như “nhân”, “nghĩa”, “trí”, “dũng” thường xuất hiện để đề cao các sản phẩm chất đạo đức, lý tưởng cao cả mà xã hội phong kiến tôn giáo. Nguyễn Trãi còn đưa ra cái nhìn tổng thể: “có nhân, có trí, có anh hùng”. Người có đức, có tài sẽ trở thành người có ích cho đất nước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng quốc gia giàu mạnh. Ở đây Nguyễn Trãi muốn nhấn mạnh vào những giá trị đạo đức mà người quân tử cần phải có, phải học làm theo.

Bui có một lòng trung lẫn hiếu,
Mãi chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen.
(*Thuật hứng* - bài 69)

Nguyễn Trãi luôn coi trọng đạo đức, không ít bài được nhà thơ nhắc đến chữ đức. Đức còn đi chung với “nhân, nghĩa, trung”... có nhân nghĩa để giữ được sự bình yên lâu dài, gặp khó khăn thì hay nghĩ ra những điều khôn khéo:

Nhân nghĩa trung cần chữ tích minh
Khó thì hay khéo khôn hay hanh
(*Bảo kính cảnh giới* - bài 131)

Nguyễn Trãi còn nhấn mạnh giữa thiên hạ có hai điều quý: tể tướng hiền tài và chúa thánh minh. “Thiên hạ” là từ Hán-Việt chỉ tất cả những vùng đất thuộc chủ quyền lãnh thổ của một quốc gia. Trong một quốc gia đó, “tể tướng” là chức quan đứng đầu trong triều đình và “hiền tài” là phẩm chất mà một người quan nên có. Đối với vai trò của người làm chủ một đất nước phải là người thánh minh, có như vậy mới mang lại những điều tốt đẹp cho nhân dân, đất nước.

Trong *Quốc âm thi tập*, Nguyễn Trãi cũng miêu tả con người trong mối quan hệ với xã hội và triều đình. Những ý niệm như “quân”, “thần”, “dân”, “chính”, “đạo” không mô tả chỉ vị trí xã hội của từng đối tượng mà vẫn có thể thực hiện trách nhiệm, vai trò của mỗi người trong cấu trúc xã hội hội phong kiến trúc. Qua đó, Nguyễn Trãi đã xác định được quan điểm về mối quan hệ giữa quốc gia và dân tộc, giữa quyền lực và trách nhiệm, nhấn mạnh tầm quan trọng của đạo đức và sự gắn kết giữa con người với nhau. Trong tư tưởng trung quân của Nguyễn Trãi, sự trung thành cần “có điều kiện” là khi vua mang lại thái bình cho nhân dân, quốc gia được giàu mạnh. Một đất nước được giàu mạnh là khi có “vua sáng tôi hiền”, nhân dân được hưởng cuộc sống thái bình, hạnh phúc. Yêu nước, Nguyễn Trãi bao giờ trong lòng cũng mang một nỗi lo cho dân được cơm no áo ấm:

Dễ có ngư cầm đàn một tiếng
Dân giàu đủ, khắp đòi phương
(*Bảo kính cảnh giới* - bài 170)

Trong *Quốc âm thi tập*, hình ảnh nhà nho ẩn dật Nguyễn Trãi còn được hiện lên một cách sinh động cùng những câu thơ phác họa đời sống tinh thần nơi thôn dã. Người thi nhân hoà mình vào thiên nhiên, say sưa thưởng ngoạn những thú vui tao nhã như ngắm trăng, đọc sách, làm thơ, đánh đàn, chơi cờ, uống rượu...

Đêm thanh hóp nguyệt nghiêng chén

Ngày vắng xem hoa bọ cây

(*Ngôn chí* - bài 11)

Con người được biểu hiện trong tập thơ chủ yếu là con người của thời đại, mang những phẩm chất của một nhà nho trung quân ái quốc, một người ẩn sĩ. Do vậy số lượng từ Hán-Việt được tác giả sử dụng phong phú, đa dạng hơn so với lớp từ Hán-Việt miêu tả thiên nhiên. Phần lớn là những từ mang tính quan niệm, triết lý, miêu tả phẩm chất con người, thời cuộc. Nghệ thuật miêu tả con người trong *Quốc âm thi tập* vì vậy không chỉ dừng lại ở việc khắc họa hình ảnh bề ngoài mà còn thể hiện sâu sắc tâm tư, tình cảm và triết lý sống Hán-Việt. Lớp từ Hán-Việt đã giúp tác giả khắc họa sắc nét tâm trạng và trí tuệ của con người trong bối cảnh xã hội trung đại, đồng thời tạo nên vẻ đẹp cổ kính và trang trọng. Tác giả không chỉ khắc họa được tâm hồn và lý tưởng của con người trong thời kỳ biến động mà còn phản ánh sâu sắc những giá trị văn hóa và tư tưởng truyền thống. Sự kết hợp này tạo nên một bức tranh toàn diện về con người trong mối quan hệ với thời cuộc và thiên nhiên xung quanh.

Có thể thấy rằng trong *Quốc âm thi tập*, cả từ Hán-Việt và từ thuần Việt đều đóng vai trò quan trọng, nhưng chúng phục vụ những mục đích khác nhau trong việc thể hiện triết lý và tư tưởng của tác giả. Nhiều từ Hán-Việt mang ý nghĩa sâu sắc, thường được dùng để diễn đạt các khái niệm triết học, đạo đức và tư tưởng lớn. Ví dụ, những từ như “nhân”, “nghĩa”, “tâm”, “đạo” thường xuất hiện trong các bài thơ để khắc họa những vấn đề nhân sinh, đạo đức và tâm linh. Từ Hán-Việt có khả năng khái quát cao, giúp tác giả đề cập đến những vấn đề phức tạp một cách cô đọng, thường liên quan đến nền văn hóa, tri thức và tư tưởng phương Đông, tạo ra sự kết nối với những giá trị truyền thống và triết lý của dân tộc. Trong khi đó, từ thuần Việt mang lại cảm giác thân thuộc và gần gũi, phản ánh đời sống hàng ngày của người dân. Những từ như “trời”, “đất”, “nước”, hay “người” thường xuất hiện, giúp tạo ra bức tranh sinh động về cuộc sống. Do đó, việc sử dụng từ thuần Việt sẽ diễn đạt cảm xúc một cách tự nhiên và chân thành, giúp nội dung thơ trở nên dễ tiếp cận hơn với mọi đối tượng độc giả. Chính những điều này tạo ra một không gian giao tiếp mở, nơi người đọc có thể dễ dàng liên hệ và đồng cảm với tác giả.

2.3.3. Nghệ thuật dùng từ Hán-Việt để sáng tác dựa trên mạch cảm hứng dân gian

Trong *Quốc âm thi tập*, Nguyễn Trãi khéo léo kết hợp từ Hán-Việt với mạch cảm hứng dân gian, tạo nên những tác phẩm vừa mang tính hiện đại vừa giữ được giá trị truyền thống. Nguyễn Trãi đã kết hợp giữa nhiều loại từ khác nhau để sáng tác như: từ cổ Hán-Việt, từ Hán-Việt, từ thuần Việt... Từ Hán-Việt được hình thành từ rất sớm trong hệ thống từ vựng của người Việt, tạo nên một lớp từ Hán-Việt phong phú trong mọi lĩnh vực đời sống con người. Từ đó, Nguyễn Trãi đã vận dụng nhiều lớp từ Hán-Việt để sáng tác thơ, bằng cảm thức dân tộc, Nguyễn Trãi đã mượn những triết lý dân gian để đưa vào mạch thơ và diễn đạt lại những triết lý đó bằng hệ thống từ Hán-Việt. Hán-Việt như kiểu nói khái quát, triết lý về “thói đời đen bạc”, về “nhân tình thế thái”:

Của nhiều sơn dã đem nhau đến

Khó ở kinh thành thiếu kẻ han.

(*Bảo kính cảnh giới* - bài 133)

Nguyễn Trãi mượn câu nói trong dân gian: “Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng”, nhưng ở một tầng nghĩa khác:

Nuôi con mới biết lòng cha mẹ

Thấy loạn thì hay đời Thuần Nghiêu.

(*Bảo kính cảnh giới* - bài 135)

Về tình cảm vợ chồng, Nguyễn Trãi có hai câu thơ thật hay, góp phần làm phong phú cho kho tàng tục ngữ, thành ngữ của dân gian:

Thế sự trai yêu thiếp mọn

Nhân tình gái nhớ chồng xưa

(*Bảo kính cảnh giới* - bài 179)

Nguyễn Trãi chỉ sử dụng các ý tưởng này trong hai bài thơ trên, những trường hợp khác được hòa quyện vào ngôn ngữ thơ của ông. Đây là một cách thay thế cho phương pháp diễn đạt thông thường, giúp trung hòa ngôn ngữ và làm cho thơ trở nên hàm súc, giàu hình ảnh và tăng sức thuyết phục. Phần lớn những câu thơ này thuộc về đề mục “Bảo kính cảnh giới” - như những gương báu để tự răn mình, tất cả đều bắt nguồn từ kinh nghiệm và sự từng trải, nên đòi hỏi phải khái quát và triết lý. Những câu thơ mang đặc điểm “dẫn ngữ” thể hiện ý thức trở về với nhân dân, gắn bó với dân tộc, và học cách thể hiện tình cảm cùng nhân dân. Với ý thức này, ngôn ngữ thơ của Nguyễn Trãi đã thấm nhuần vào lòng dân, góp phần làm phong phú kho tàng ngôn ngữ văn học dân tộc.

Trong *Quốc Âm Thi Tập*, lớp từ Hán-Việt, dù không phong phú như lớp từ thuần Việt, nhưng đã mang lại nhiều giá trị đặc sắc cho tập thơ. Về mặt nội dung, từ Hán-Việt đóng vai trò miêu tả thiên nhiên và con người, thể hiện sự biến đổi của cảnh sắc theo từng mùa, từng khoảnh khắc. Nhà thơ như hòa mình vào thiên nhiên, lắng nghe từng nhịp đập của thời gian. Nhờ có từ Hán-Việt, hình ảnh thiên nhiên trở nên huyền ảo, mang đậm vẻ đẹp của thơ Đường. Hình ảnh này thể hiện một nhà Nho yêu nước, đầy trăn trở về thời cuộc, nhưng cũng mang tâm hồn nghệ sĩ trong cuộc sống ẩn dật. Về mặt nghệ thuật, Nguyễn Trãi đã khéo léo sử dụng từ Hán-Việt để diễn đạt những triết lý dân gian, làm cho thơ ông mang sắc thái trang trọng hơn. Sự kết hợp giữa âm điệu dân tộc, lấy cảm hứng từ ca dao, tục ngữ giản dị, lại được tái hiện bằng hệ thống từ Hán-Việt, góp phần tăng giá trị biểu đạt cho tác phẩm. Những từ này vừa trang trọng, vừa tao nhã; vừa cổ kính, nhưng cũng rất gần gũi.

So sánh về số lượng từ Hán-Việt trong *Quốc âm thi tập* và *Bạch Vân Quốc ngữ thi* của Nguyễn Bình Khiêm, chúng tôi thấy số lượng từ Hán-Việt trong thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm ít hơn so với số lượng từ Hán-Việt trong thơ Nôm Nguyễn Trãi. Thống kê của Nguyễn Kim Châu cho thấy, trong 160 bài thơ đầu của *Quốc âm thi tập* có 538 từ Hán-Việt (bao gồm cả tần số xuất hiện lặp lại), trong khi *Bạch Vân Quốc ngữ thi* chỉ có 321 từ Hán-Việt (K. C. Nguyễn, 2012).

Nguyễn Trãi đã khéo léo vận dụng một cách phong phú các từ Hán-Việt để nâng cao giá trị biểu đạt cho tác phẩm của mình. Sự kết hợp đan xen giữa yếu tố thuần Việt và Hán-Việt tạo nên một bức tranh thơ đa dạng, vừa mang vẻ trang trọng, cổ kính, vừa gần gũi, bình dị. So với các nhà thơ khác trong cùng giai đoạn, nhưng trong *Quốc âm thi tập*, Nguyễn Trãi đã sử dụng số lượng từ Hán-Việt phong phú hơn. Điều này không chỉ góp

phần làm nổi bật nội dung thơ mà còn giúp cho tác phẩm không trở nên khó hiểu hay xa lạ với tầng lớp bình dân. Dù từ Hán-Việt thường mang tính chất cổ kính, xa xôi và có ý nghĩa trừu tượng, nhưng Nguyễn Trãi đã lồng ghép chúng vào ngôn ngữ thơ ca một cách tự nhiên, tạo nên sự hài hòa và dễ tiếp cận. Qua đó, tác phẩm không chỉ phản ánh tâm tư của tác giả mà còn là tiếng nói của thời đại.

Tuy nhiên, việc sử dụng từ Hán-Việt trong *Quốc âm thi tập* bên cạnh những giá trị nhất định thì vẫn còn tồn tại một số hạn chế có thể kể tới như: Nhiều từ Hán-Việt có ý nghĩa phức tạp và ít được sử dụng trong giao tiếp hàng ngày, có thể khiến cho người đọc, đặc biệt là những người không có nền tảng học vấn về chữ Hán, gặp khó khăn trong việc hiểu nội dung tác phẩm. Một số từ có âm tiết dài và phức tạp, có thể làm cho nhạc điệu của bài thơ trở nên gượng gạo, không được mềm mại và tự nhiên như khi sử dụng từ thuần Việt. Việc lạm dụng từ Hán-Việt có thể dẫn đến sự rập khuôn trong cách diễn đạt, hạn chế tính sáng tạo và linh hoạt của tác giả. Điều này có thể khiến cho tác phẩm trở nên đơn điệu và thiếu sức hấp dẫn. Từ Hán-Việt có nguồn gốc từ văn hóa Trung Quốc, nếu sử dụng quá nhiều có thể làm mất đi bản sắc văn hóa và dân tộc trong tác phẩm, khiến cho giọng điệu và phong cách trở nên không đặc trưng.

3. Kết luận

Nghệ thuật dùng từ Hán-Việt trong *Quốc âm thi tập* không chỉ là sự kết hợp giữa hai nền văn hóa mà còn thể hiện sự sáng tạo độc đáo của Nguyễn Trãi. Qua đó, tác phẩm không chỉ giữ được giá trị truyền thống mà còn mở ra những hướng đi mới cho thơ ca Việt Nam. Việc sử dụng từ ngữ Hán-Việt trong *Quốc âm thi tập* đã làm tăng giá trị biểu đạt cho các câu thơ. Những từ Hán-Việt được chọn lọc, sử dụng đúng lúc và đúng chỗ, đã mang lại cho tập thơ vẻ trang trọng về hình thức và chiều sâu về nội dung. Trong nhiều trường hợp, từ Hán-Việt còn được dùng để gieo vần và tạo nhịp điệu cho câu thơ, làm cho bài thơ sinh động hơn; lúc này, thơ không chỉ đơn thuần là văn bản mà còn có âm điệu và tính nhạc hài hòa.

Như vậy, thông qua hệ thống từ Hán-Việt, bằng sự sáng tạo tài tình, Nguyễn Trãi đã xây dựng nên một tập thơ đồ sộ về số lượng cũng như sâu sắc về nghệ thuật. Sự kết hợp giữa ngôn ngữ thơ Nôm dân tộc là yếu tố ngôn ngữ vay mượn và từ Hán-Việt đã giúp cho *Quốc âm thi tập* trở thành tập thơ tiêu biểu cho dòng thơ Nôm Việt Nam, đánh dấu một mốc phát triển vượt bậc trong văn học mà giá trị của tập thơ đó vẫn còn được trân quý cho đến nhiều thế hệ mai sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anh Ngọc. (2022). Nghệ thuật sử dụng từ Hán - Việt trong thơ. *Công an nhân dân Online*. Truy cập ngày 8/10/2024 từ <https://cand.com.vn/ly-luan/nghe-thuat-su-dung-tu-han-viet-trong-tho-i665264>
- Hà Anh. (2023). Lan tỏa giá trị văn hóa thuần Việt trong văn học nghệ thuật. *Quân đội nhân dân*. Truy cập ngày 8/10/2024 từ <https://www.qdnd.vn/van-hoa/doi-song/lan-toa-gia-tri-van-hoa-thuan-viet-trong-van-hoc-nghe-thuat-746302>

- Nguyễn, K. C. (2012). Sự phát triển của Tiếng Việt văn học thế kỷ XVI qua cái nhìn đối sánh giữa Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi với Bạch Vân quốc ngữ thi của Nguyễn Bình Khiêm. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 24b, 64-71.
- Nguyễn, T. C. (2000). *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán - Việt*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.
- Nguyễn, T. T. C. (2021). Khảo luận tầm nguyên từ ghép Hán-Việt có cơ chế ngữ âm tương đồng từ láy. *Tạp chí Hán Nôm*, 2(165), 3-20.
- Nguyễn Trãi. (2014). *Quốc âm thi tập*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn học, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học.
- Nguyễn, V. K. (2007). *Từ ngoại lai trong tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Phan N. (2000). *Mẹo giải nghĩa từ Hán - Việt và chữa lỗi chính tả*. Hà Nội: NXB Thanh Niên.

ABSTRACT

SOME CHARACTERISTICS OF THE ART OF USING SINO-VIETNAMESE WORDS IN QUOC AM THI TAP (NGUYEN TRAI)

Vu Thi Ngoc Kim

*Semi-boarding Ethnic Minority Primary and Secondary School in Loc Yen Commune,
Cao Loc District, Lang Son Province, Vietnam*

Received on 16/10/2024, accepted for publication on 03/12/2024

Quoc Am Thi Tap is a classic piece of Vietnamese literature, particularly in the poetry genre. The work exhibits cross-cultural interchange between Vietnamese and Chinese civilizations and has a solid cultural and historical influence. In addition to enhancing the language, the work's usage of Sino-Vietnamese terms produces rich and varied artistic values. The author highlights some features of the Quoc Am Thi Tap's artistic uses of Sino-Vietnamese vocabulary to highlight significant turning points in the evolution of the language and writing system.

Keywords: Quoc Am Thi Tap; Sino-Vietnamese terms; art.